

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2024
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;
- Ông Nguyễn Thanh Thuận.

*Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa: Ông Đặng Phương Nam - Kiểm sát viên.*

Ngày 12/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2024/TLST-HNGĐ
ngày 14/6/2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024, Quyết
định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2024, giữa:

*Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ B, khóm T,
phường N, thị xã T, tỉnh An Giang.*

*Bị đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ B, khóm T,
phường N, thị xã T, tỉnh An Giang.*

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét
xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Lê Ngọc D trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Lê Minh C đăng ký kết hôn ngày 12/12/2002
tại UBND xã A, huyện (nay là thị xã) Tĩnh Biên. Thời gian đầu, vợ chồng chung
sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm chăm lo
cho gia đình, thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện, dùng lời lẽ thô tục xúc
phạm danh dự, đánh đập, đe dọa nguyên đơn và các con. Đến tháng 6 năm 2024

nguyên đơn đưa con ra ngoài thuê nhà trọ ở, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 19/10/2000 đã trưởng thành, tự lập và Lê Thị Thúy K, sinh ngày 17/02/2008 đang sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến, cháu Lê Thị Thúy K có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Xác minh tại Ban khóm Trung Bắc H được biết: Ông C và bà D thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Hiện ông C và bà D không còn sống chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét thấy về tình cảm, nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc do bị đơn không quan tâm chăm lo cho gia đình, thường xuyên cãi vã, nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 19/10/2000 đã trưởng thành và Lê Thị Thúy K, sinh ngày 17/02/2008. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, bị đơn không có ý kiến về con chung, cháu K có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét giao cháu K cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao cháu Lê Thị Thúy K, sinh ngày 17/02/2008 cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Lê Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Minh C; bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ B, khóm T, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã T nên được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Đồng thời, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về phiên hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Cháu Lê Tấn L đã trưởng thành, tự lập, cháu Lê Thị Thúy K, sinh ngày 17/02/2008 đang sống chung với nguyên đơn, cháu K có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. bị đơn không có ý kiến về con chung. Nhằm ổn định cuộc sống của cháu K, xét giao cháu Lê Thị Thúy K cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc D;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc D được ly hôn ông Lê Minh C.

[2] Về con chung: Bà Lê Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thúy K, sinh ngày 17/02/2008; ông Lê Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Ngọc D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Minh C trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Bà Lê Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số BLTU/23 số 0010969 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Minh C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TX. Tỉnh Biên (1);
- UBND nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

Nguyễn Thanh Tâm